

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 02/2025

TT	Họ và tên	Tiền lương				Phụ cấp lương																Tổng lĩnh lương và PC	
		HS lương	Số tiền	BH	Tổng tiền	Chức vụ				TNVK				PC TN		PC ưu đãi nghề		PC TNNG					
						HS	Số tiền	BH	Tổng tiền	HS	Số tiền	BH	Tổng tiền	HS	Số tiền	HS	Số tiền	HS %	HS	Số tiền	BH		Tổng tiền
<b>I Ban giám hiệu</b>																							
1	Lê Thị Thu Hoa	6.1	14,274,000	1,356,030	12,917,970	0.55	1,287,000	122,265	1,164,735							1.99500	4,668,300	32%	2.12800	4,979,520	473,054	4,506,466	23,257,471
2	Đặng Sỹ Đức	3.33	7,792,200	818,181	6,974,019	0.45	1,053,000	110,565	942,435							1.13400	2,653,560	10%	0.37800	884,520	92,875	791,645	11,361,659
3	Nguyễn Thị Bích Hồng	4.34	10,155,600	1,066,338	9,089,262	0.45	1,053,000	110,565	942,435							1.43700	3,362,580	15%	0.71850	1,681,290	176,535	1,504,755	14,899,032
<b>II Giáo viên biên chế</b>																							
4	Trần Thị Nguyên	5.02	11,746,800	1,233,414	10,513,386									0.2	468,000	1.50600	3,524,040	27%	1.35540	3,171,636	333,022	2,838,614	17,344,040
5	Lưu Thị Thanh Bình	5.02	11,746,800	1,233,414	10,513,386										-	1.50600	3,524,040	26%	1.30520	3,054,168	320,688	2,733,480	16,770,906
6	Lê Thị Lan Hương	4.89	11,442,600	1,201,473	10,241,127										-	1.46700	3,432,780	28%	1.36920	3,203,928	336,412	2,867,516	16,541,423
7	Hà Minh Phương	5.36	12,542,400	1,316,952	11,225,448									0.2	468,000	1.60800	3,762,720	31%	1.66160	3,888,144	408,255	3,479,889	18,936,057
8	Đào Lê Hà	4.89	11,442,600	1,201,473	10,241,127										-	1.46700	3,432,780	29%	1.41810	3,318,354	348,427	2,969,927	16,643,834
9	Đỗ Hữu Tuấn	4.34	10,155,600	1,066,338	9,089,262										-	1.30200	3,046,680	17%	0.73780	1,726,452	181,277	1,545,175	13,681,117
10	Nguyễn Thị Xuân	3.99	9,336,600	980,343	8,356,257										-	1.19700	2,800,980	15%	0.59850	1,400,490	147,051	1,253,439	12,410,676
11	Nguyễn Anh Tuấn	4.34	10,155,600	1,066,338	9,089,262										-	1.30200	3,046,680	16%	0.69440	1,624,896	170,614	1,454,282	13,590,224
12	Vũ Thị Lưu	5.70	13,338,000	1,400,490	11,937,510										-	1.71000	4,001,400	32%	1.82400	4,268,160	448,157	3,820,003	19,758,913
13	Đặng Thị Mai Trang	3.66	8,564,400	899,262	7,665,138										-	1.09800	2,569,320	14%	0.51240	1,199,016	125,897	1,073,119	11,307,577
14	Trần Văn Hồng	3.66	8,564,400	899,262	7,665,138										-	1.09800	2,569,320	12%	0.43920	1,027,728	107,911	919,817	11,154,275
15	Ngô Thị Hồng	4.68	10,951,200	1,149,876	9,801,324										-	1.40400	3,285,360	21%	0.98280	2,299,752	241,474	2,058,278	15,144,962
16	Lê Triệu Oanh	4.34	10,155,600	1,066,338	9,089,262									0.2	468,000	1.30200	3,046,680	18%	0.78120	1,828,008	191,941	1,636,067	14,240,009
17	Nguyễn Thu Thủy	3.33	7,792,200	818,181	6,974,019										-	0.99900	2,337,660	9%	0.29970	701,298	73,636	627,662	9,939,341
18	Nguyễn T Thanh Xuân	4.68	10,951,200	1,149,876	9,801,324										-	1.40400	3,285,360	21%	0.98280	2,299,752	241,474	2,058,278	15,144,962
19	Nguyễn T Thanh Bình	4	9,360,000	982,800	8,377,200										-	1.20000	2,808,000	19%	0.76000	1,778,400	186,732	1,591,668	12,776,868
20	Tráng Thị Thu Hà	4.34	10,155,600	1,066,338	9,089,262										-	1.30200	3,046,680	15%	0.65100	1,523,340	159,951	1,363,389	13,499,331
21	Vũ Thị Hiền	3.99	9,336,600	980,343	8,356,257										-	1.19700	2,800,980	19%	0.75810	1,773,954	186,265	1,587,689	12,744,926
22	Nguyễn Thị Hiếu	3	7,020,000	737,100	6,282,900									0.15	351,000	0.90000	2,106,000	8%	0.24000	561,600	58,968	502,632	9,242,532
23	Trần Thị Vinh	3	7,020,000	737,100	6,282,900										-	0.90000	2,106,000	8%	0.24000	561,600	58,968	502,632	8,891,532
24	Nguyễn Thùy Linh	2.67	-	-	-										-	0.80100	1,874,340		0.00000	0	-	-	1,874,340
25	Nguyễn T Thùy Linh	3	7,020,000	737,100	6,282,900										-	0.90000	2,106,000		0.00000	0	-	-	8,388,900
26	Nguyễn T Phương Huệ	3	7,020,000	737,100	6,282,900									0.15	351,000	0.90000	2,106,000		0.00000	0	-	-	8,739,900
27	Phạm Thị Nhân	2.67	6,247,800	656,019	5,591,781										-	0.80100	1,874,340		0.00000	0	-	-	7,466,121
28	Đỗ Thị Cúc	2.67	6,247,800	656,019	5,591,781									0.15	351,000	0.80100	1,874,340		0.00000	0	-	-	7,817,121
29	Trần Văn Đô	2.67	6,247,800	656,019	5,591,781									0.2	468,000	0.80100	1,874,340		0.00000	0	-	-	7,934,121

